

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2022/HNGĐ- ST

Ngày 24/08/2022.

NHÂN DANH

V/v xin ly hôn **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Liêm

2. Bà Võ Thị Ngọc The

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 24 tháng 08 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2022 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: số 267, tổ 04, ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1976 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: số 267, tổ 04, ấp T P, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Trần Thị D trình bày: tôi và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống tôi và ông T có quen biết và có tìm hiểu nhau 05 tháng và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên đi uống rượu về đến nhà chửi tôi những điều thô tục và còn đánh đập tôi, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông T không có trách nhiệm với vợ, tôi có khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hiện nay tôi và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: không có.
- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa bà D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

* **Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản cho ông Nguyễn Thanh T theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Nguyễn Thanh T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không

công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng là có cơ sở.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** do bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** bà Trần Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006443 ngày 24/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà D đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị D nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006443 ngày 24/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Trần Thị D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Nguyễn Thanh T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật

